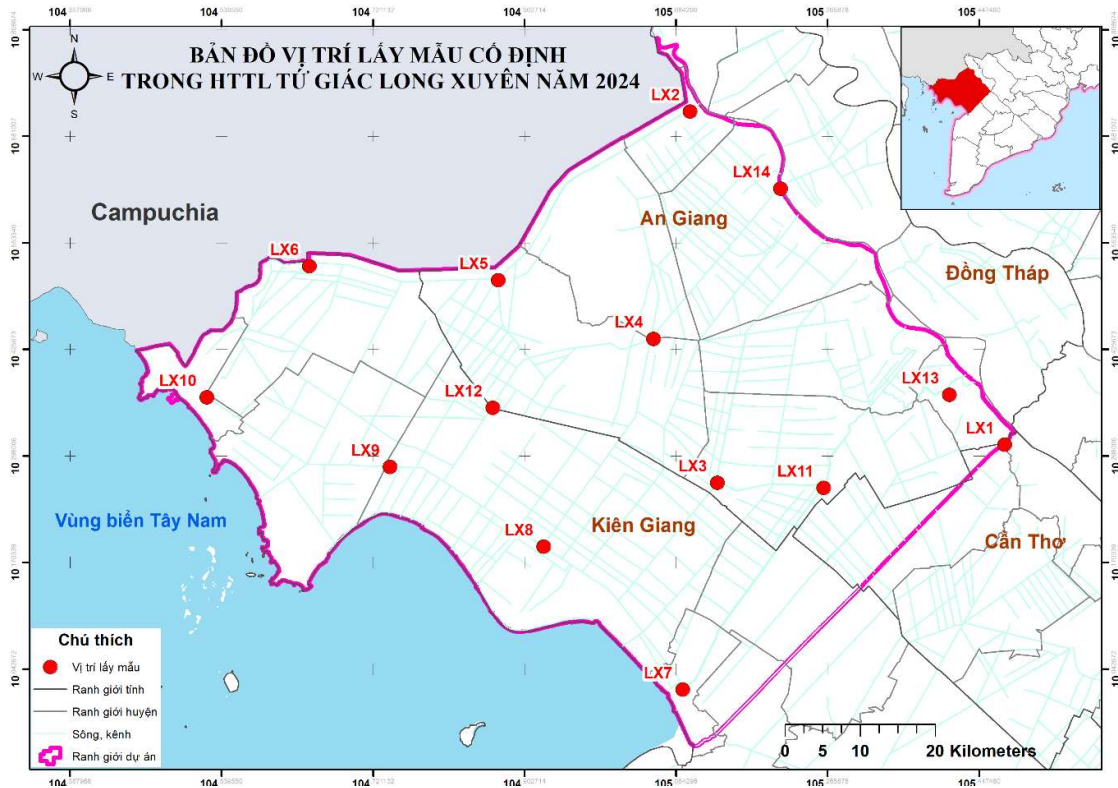


BẢN TIN TUẦN KỲ 3

“Đợt đo ngày 10/03/2024, dự báo từ ngày 17/03÷23/03/2024”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 10 tháng 3 năm 2024

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2024

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Từ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 10/03/2024)

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 14 vị trí giám sát

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l		mgO ₂ /l		mg/l					MPN/ 100ml		
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1	5,5-9		50	≥4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7500		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B) (*)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu (LX1)	8.05	0.1	5.4	4.29	10.2	21.2	0.09	0.44	0.06	0.08	0.80	3400	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt.
2	Đầu kênh Vĩnh Tế phía sông Hậu (LX2)	8.05	0.1	19.7	5.09	10.5	18.4	0.10	0.29	0.13	0.12	1.62	2100	81	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức tốt, sử dụng tốt cho việc lấy nước tiêu trồng trọt.
3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới (LX3)	7.75	0.1	50.1	4.86	17.6	32.4	0.09	0.90	0.16	0.05	2.89	2300	68	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt.
4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mặc Cần Dung (LX4)	7.81	0.1	37.9	5.56	16.4	30.7	0.08	1.17	0.22	0.20	2.93	8100	53	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Từ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 10/03/2024)

																- Nguồn nước có dấu hiệu bị ô nhiễm Coliform nên người dân cần lưu ý khi sử dụng tưới các loại rau ăn sống.
5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5 (LX5)	7.98	0.1	5.1	5.54	11.9	24.1	0.09	0.41	0.10	0.15	1.63	3800	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt.	
6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang (LX6)	7.81	0.3	22.8	5.42	8.6	16.1	0.08	0.59	0.14	0.34	2.27	2800	76	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức tốt, sử dụng tốt cho việc cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.	
7	Tp, Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên (LX7)	7.85	0.1	10.7	4.93	11.7	20.4	0.08	0.40	0.22	0.28	1.84	3100	75	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt.	
8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX8)	7.58	0.1	19.3	5.72	8.4	15.7	0.09	0.48	0.16	0.25	3.42	3500	76	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức tốt, sử dụng tốt cho việc lấy nước tưới tiêu trồng trọt.	
9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX9)	7.49	0.2	55.2	4.98	7.3	13.8	0.08	0.45	0.16	0.32	4.23	2600	79	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức tốt, sử dụng tốt cho việc lấy nước tưới tiêu trồng trọt.	
10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch	8.53	24.1	4.6	6.41	9.2	18.1	0.08	0.57	0.03	0.46	1.37	3600	83	Nguồn nước tại đây là nước lợ, mặn không sử dụng để trồng	

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Từ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 10/03/2024)

	Giá – Hà Tiên, (Cầu Hà Giang) (LX10)															trọt. Chất lượng nước ở mức tốt, độ mặn ghi nhận trong ngưỡng thích hợp của nuôi tôm là 7 - 25‰, nên người dân yên tâm lấy để lấy nước vào các vuông tôm.
11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên (LX11)	7.97	0.1	74.1	6.34	13.1	26.7	0.09	1.09	0.06	0.37	3.99	3700	70	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt.	
12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang (LX12)	7.74	0.1	66.1	6.38	13.4	25.1	0.08	0.61	0.27	0.12	4.12	4500	71	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt.	
13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào (LX13)	8.13	0.1	5.3	6.16	7.9	16.2	0.07	0.58	0.05	0.12	2.53	4000	75	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt.	
14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu (LX14)	7.86	0.1	5.1	6.32	21.2	38.2	0.09	2.11	0.21	0.09	6.11	7200	55	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt.	

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 10/03/2024)

Khuyến cáo chung	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị Độ mặn của nguồn nước trong vùng trồng lúa và vùng nuôi trồng thủy sản vẫn nằm trong giới hạn cho phép để người dân sử dụng tốt cho tưới tiêu, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản. - Một số điểm giám sát có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, trong đó nhiều điểm có hàm lượng Nitrite (NO₂) cao, vượt quá quy chuẩn B1, cần lưu ý có biện pháp xử lý nếu sử dụng nguồn nước để nuôi thủy sản. - Tại một số điểm giám sát có nguồn nước bị nhiễm phèn (Fe^{TS}) khá cao sẽ không tốt trong giai đoạn phát triển của lúa non. Tuy nhiên, tại thời điểm quan trắc khu vực Tứ Giác Long Xuyên người dân đã và đang tiến hành thu hoạch mùa vụ. Nên nguồn nước không ảnh hưởng đến sản xuất lúa của người dân.
-------------------------	--

Ghi chú:

- (*) Theo QCVN 08:2023/BTNMT được quy định tại mục 2.3 – Nguyên tắc đánh giá, phân loại CLN theo Bảng 2, 3 thì giá trị trung bình số học của tối thiểu 10 lần quan trắc/năm. Với điều kiện này thì chưa đủ để đánh giá phân loại, do đó trong bản tin này sẽ sử dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 để so sánh và có đối chiếu với QCVN 08:2023/BTNMT để làm cơ sở nhận định đưa ra những khuyến cáo về chất lượng nước.

- Các giá trị in đậm là giá trị vượt ngưỡng cho phép.

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 17/03÷23/03/2024

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, NH₄⁺ từ ngày 17/03/2024 đến 23/03/2024 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 17/03÷23/03/2024 dao động trong khoảng 0,00÷25,71‰; độ mặn được dự báo có xu hướng giảm so với giá trị thực đo ngày 10/03/2023 (Bảng 2).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 17/03÷23/03/2024

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							(‰)	
		17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0.08	0.01	0.06	0.07	0.02	0.03	0.00	0.00	0.08
	LX2	0.08	0.05	0.05	0.09	0.08	0.03	0.03	0.03	0.09
	LX13	0.03	0.04	0.09	0.09	0.06	0.08	0.07	0.03	0.09
	LX14	0.03	0.07	0.05	0.07	0.09	0.00	0.02	0.00	0.09
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0.06	0.08	0.03	0.04	0.01	0.04	0.05	0.01	0.08
	LX4	0.02	0.03	0.09	0.04	0.01	0.02	0.05	0.01	0.09
	LX5	0.06	0.09	0.10	0.04	0.06	0.07	0.03	0.03	0.10
	LX6	0.04	0.03	0.07	0.00	0.09	0.07	0.09	0.00	0.09
	LX11	0.04	0.04	0.04	0.07	0.06	0.05	0.01	0.01	0.07
Phía ven biển Tây	LX7	0.10	0.01	0.06	0.02	0.06	0.10	0.04	0.01	0.10
	LX8	0.02	0.01	0.07	0.03	0.09	0.10	0.03	0.01	0.10
	LX9	0.08	0.07	0.05	0.09	0.07	0.10	0.09	0.05	0.10
	LX10	23.88	24.15	24.71	25.71	25.64	24.92	24.11	23.88	25.71
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰	>4‰						
Khuyến cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày 17/03÷23/03/2024, nguồn nước khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn có thể sử dụng để tưới cho lúa và hoa màu. - Độ mặn tại điểm LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn dự báo vào một số ngày cao hơn ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ nên bà con cần lưu ý theo dõi độ mặn để lựa chọn thời điểm thích hợp để lấy nước vào các ruộng tôm. 									

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Nồng độ DO dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 4,28÷6,11 mg/l, giá trị DO dự báo có xu hướng giảm so với giá trị thực đo ngày 10/03/2023 (Bảng 3).

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 17/03÷23/03/2024

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	4.98	5.00	5.01	5.05	5.13	5.18	5.19	4.98	5.19
	LX2	5.60	5.57	5.54	5.52	5.52	5.51	5.49	5.49	5.60
	LX13	5.58	5.60	5.57	5.54	5.52	5.52	5.51	5.51	5.60
	LX14	6.11	6.04	5.96	5.87	5.79	5.71	5.62	5.62	6.11

Khu vực giữa nội đồng	LX3	4.71	4.71	4.59	4.51	4.57	4.69	4.73	4.51	4.73
	LX4	5.68	5.69	5.77	5.88	6.00	6.05	6.01	5.68	6.05
	LX5	4.52	4.45	4.35	4.28	4.30	4.36	4.38	4.28	4.52
	LX6	5.67	5.70	5.69	5.66	5.62	5.59	5.57	5.57	5.70
	LX11	5.22	5.20	5.10	5.03	4.98	4.94	4.90	4.90	5.22
	LX12	5.88	5.88	5.91	6.02	6.08	6.06	6.01	5.88	6.08
Phía ven biển Tây	LX7	4.67	4.64	4.66	4.71	4.68	4.66	4.68	4.64	4.71
	LX8	5.34	5.42	5.60	5.70	5.80	5.87	5.86	5.34	5.87
	LX9	5.86	5.83	5.80	5.78	5.75	5.72	5.68	5.68	5.86
	LX10	5.93	5.98	5.99	5.98	5.97	5.97	5.98	5.93	5.99
QCVN08 Cột A1	≥6									
QCVN08 Cột B1	≥4									
Vượt cột B1	<4									
Khuyến cáo	- Từ ngày 17/03÷23/03/2024, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị oxy hòa tan dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều trong giới hạn cho phép của cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT nên đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản.									

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 8,20÷21,68 mg/l, giá trị BOD₅ dự báo có xu hướng giảm ở phần lớn các điểm giám sát so với giá trị thực đo ngày 10/03/2023 với biên độ dao động ở mức thấp (Bảng 4).

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 17/03÷23/03/2024

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	10.15	9.79	10.37	11.24	11.68	11.77	11.88	9.79	11.88
	LX2	9.38	9.48	9.61	9.74	9.81	9.74	9.70	9.38	9.81
	LX13	8.20	8.30	8.36	8.38	8.37	8.35	8.30	8.20	8.38
	LX14	21.57	21.68	20.41	20.42	20.55	19.88	19.62	19.62	21.68
Khu vực giữa nội đồng	LX3	17.39	16.00	14.72	13.69	12.92	12.30	11.92	11.92	17.39
	LX4	16.20	16.21	16.54	16.63	16.45	15.91	14.95	14.95	16.63
	LX5	11.96	11.61	11.37	11.26	11.25	11.32	11.49	11.25	11.96
	LX6	9.62	9.73	9.99	10.47	10.89	10.52	10.00	9.62	10.89
	LX11	13.28	12.39	11.63	10.88	10.28	9.66	9.01	9.01	13.28
	LX12	12.71	13.00	13.27	13.28	13.06	12.78	12.54	12.54	13.28
Phía ven biển Tây	LX7	10.51	10.60	10.79	11.12	11.39	11.52	11.80	10.51	11.80
	LX8	8.50	8.54	8.58	8.63	8.65	8.63	8.60	8.50	8.65
	LX9	8.49	8.56	8.63	8.68	8.73	8.74	8.65	8.49	8.74
	LX10	8.86	8.99	9.18	9.32	9.46	9.56	9.62	8.86	9.62
QCVN08 Cột A1	4									
QCVN08	15									

Cột B1	
Vượt cột B1	>15
Khuyến cáo	<p>- Từ ngày 17/03÷23/03/2024, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các điểm giám sát vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng phần lớn vẫn nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT nên người dân vẫn có thể yên tâm lấy nước cho mục đích tưới tiêu và hoạt động tương đương khác.</p> <p>- Riêng một số điểm có giá trị Oxy sinh hóa dự báo vượt giới hạn cho phép của cột B1 ở một vài thời điểm (như LX3, LX4), hay trong suốt thời gian dự báo (LX14) nên người dân cần lưu ý khi sử dụng nguồn nước.</p>

2.4. Amoni (NH₄⁺)

Giá trị NH₄⁺ dự báo trong HTTL TGLX dao động trong khoảng từ 0,14÷2,15 mg/l, giá trị NH₄⁺ dự báo có xu hướng giảm tại hầu hết các điểm giám sát (11/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 10/03/2023 (Bảng 5).

Bảng 5: Giá trị dự báo NH₄⁺ tại các điểm giám sát từ 17/03÷23/03/2024

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0.39	0.39	0.38	0.38	0.36	0.36	0.37	0.36	0.39
	LX2	0.14	0.17	0.32	0.45	0.53	0.56	0.56	0.14	0.56
	LX13	0.31	0.24	0.26	0.31	0.36	0.40	0.41	0.24	0.41
	LX14	2.13	2.14	2.15	2.06	1.94	1.79	1.57	1.57	2.15
Khu vực giữa nội đồng	LX3	1.67	1.76	1.90	2.05	2.13	2.04	2.00	1.67	2.13
	LX4	1.01	1.02	0.94	0.89	0.88	0.90	0.91	0.88	1.02
	LX5	0.45	0.52	0.49	0.44	0.37	0.34	0.47	0.34	0.52
	LX6	0.57	0.57	0.57	0.57	0.59	0.60	0.60	0.57	0.60
	LX11	1.01	1.02	1.00	0.91	0.86	0.87	0.90	0.86	1.02
	LX12	0.48	0.49	0.49	0.48	0.46	0.46	0.47	0.46	0.49
Phía ven biển Tây	LX7	0.33	0.33	0.33	0.34	0.33	0.32	0.33	0.32	0.34
	LX8	0.45	0.49	0.50	0.49	0.48	0.47	0.46	0.45	0.50
	LX9	0.38	0.39	0.38	0.34	0.31	0.29	0.29	0.29	0.39
	LX10	0.76	0.48	0.47	0.45	0.49	0.57	0.60	0.45	0.76
QCVN08 Cột A1	0,3									
QCVN08 Cột B1	0,9									
Vượt cột B1	> 0,9									
Khuyến cáo	<p>- Từ ngày 17/03÷23/03/2024, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Amoni (NH₄⁺) dự báo tại hầu hết các điểm đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng phần lớn vẫn nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT nên người dân vẫn có thể yên tâm lấy nước cho mục đích tưới tiêu và hoạt động tương đương khác.</p> <p>- Riêng 2 điểm LX3, LX4, LX11 và LX14 có giá trị NH₄⁺ dự báo vượt quá quy chuẩn cho phép của cột B1 nên người dân cần lưu ý khi sử dụng nguồn nước.</p>									

Khuyến cáo:

Trong tuần từ 17/03÷23/03/2024, chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên được dự báo có xu hướng tốt hơn, các thông số như độ mặn, Oxy hòa tan (DO) dự báo đều nằm trong giới hạn cho phép để phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản; riêng thông số NH_4^+ , BOD_5 dự báo tại một số thời điểm vượt quá quy chuẩn cho phép của cột B1 tại các vị trí như LX3, LX4, LX11 và LX14 nên người dân cần lưu ý khi sử dụng nguồn nước.

Riêng điểm LX10 (khu vực nuôi tôm nước lợ), độ mặn dự báo vào một số ngày cao hơn ngưỡng thích hợp của nuôi tôm nước lợ nên bà con cần lưu ý theo dõi độ mặn, lựa chọn thời điểm thích hợp để lấy nước vào các vuông tôm.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Kiên Giang, An Giang;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng